

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

*V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn
giữa anh Q và chị B*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Hồng Thơm;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Hữu Q, sinh năm 1979; địa chỉ: số 974; Võ V, phường 6, Quận 5, TP Hồ Chí Minh; vắng mặt, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2, (xóm 6 cũ), xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và lời khai quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Bùi Hữu Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi anh lấy chị Đỗ Thị B thì anh đã có vợ là chị Lê Thị M do vợ anh bị bệnh ung thư đã chết, sau đó anh và chị B tự nguyện

tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2017. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Mặt khác anh làm ăn ở trong Miền Nam, còn chị B làm ở ngoài này, anh đã động viên chị B là vào cùng với anh ở trong Miền Nam để cùng làm ăn nhưng chị B không nghe nên tình cảm của hai người dành cho nhau không nhiều. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đôi bên gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của anh được xin ly hôn chị Đỗ Thị B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Bảo Q, sinh ngày 21/10/2018 và Bùi Minh A, sinh ngày 19/10/2020; hiện 2 con đang ở với chị. Khi ly hôn anh nhường quyền cho chị B tiếp tục nuôi 02 con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai, lời khai quá trình giải quyết bị đơn chị Đỗ Thị B trình bày:

Anh Quyết trình bày về việc kết hôn là đúng. Sau khi lấy nhau được một thời gian thì anh Q đi vào Sài Gòn làm ăn. Trong cuộc sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn, anh Q ít quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Trong cuộc sống đôi lúc chị cũng nóng giận đôi lời với anh Q. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, chưa đến mức tan vỡ hạnh phúc gia đình, anh Q xin ly hôn chị không nhất trí, chị mong anh Q suy nghĩ lại bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Q trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn chị xin nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã T

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hữu Q và chị Đỗ Thị B tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Xg, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2017, số 47/2017. Qua kiểm tra sổ hộ khẩu lưu tại xã T thì chị B có hộ khẩu tại xóm 6 cũ xã T, huyện X, tỉnh Nam Định, còn anh Q không có hộ khẩu tại xã T mà được cắt chuyển khẩu đi nơi khác. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không

ở cùng một chỗ, anh Q đi làm ăn ở trong Miền Nam thỉnh thoảng mới về nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như thực trạng hôn nhân giữa anh Q và chị B thì hạnh phúc giữa hai bên không còn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho anh Q được ly hôn chị B.

* Về con chung: Chị B và anh Quyết có 02 con chung tên là Bùi Bảo Q, sinh ngày 21/10/2018 và Bùi Minh A, sinh ngày 19/10/2020; hiện 2 con đang ở với chị B; Khi ly hôn chị B xin nhận nuôi cả hai con và không yêu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào lời trình bày của đôi bên đương sự cũng như thực tế mấy năm nay hai con đều ở với chị B, vì vậy đề nghị Tòa án nên giao cho chị B tiếp tục được nuôi cả hai con và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

* Về tài sản: Anh Q và chị Bắc không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn tiếp tục vắng tại phiên tòa không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa anh Bùi Hữu Q và chị Đỗ Thị B.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Bùi Bảo Q, sinh ngày 21/10/2018 và Bùi Minh A, sinh ngày 19/10/2020. Anh Bùi Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn tiếp tục vắng tại phiên tòa không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Hữu Q và chị Đỗ Thị B kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nay anh Q xin ly hôn, chị B không nhất trí mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị B không đưa ra được giải pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình, mặt khác từ năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, điều đó chứng tỏ hạnh phúc hôn nhân giữa anh Q và chị B đã tan vỡ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Q và chị B là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q đối với chị B là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh Q và chị B có 02 con chung tên là Bùi Bảo Q, sinh ngày 21/10/2018 và Bùi Minh A, sinh ngày 19/10/2020. Khi ly hôn anh Q nhường quyền cho chị B tiếp tục nuôi cả hai con và anh không phải cấp dưỡng nuôi, chị B nhất trí với ý kiến của anh Q. Xét thấy, các đương sự thống nhất được việc nuôi con nên HĐXX sẽ giao cho chị B tiếp tục nuôi 02 con ghi nhận chị B không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Anh Q và chị B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Bùi Hữu Q và chị Đỗ Thị B.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Bùi Bảo Q, sinh ngày 21/10/2018 và Bùi Minh A, sinh ngày 19/10/2020. Anh Bùi Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Hữu Q phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003005 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh Bùi Hữu Q đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã T: 01 bản;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Ngọc Long

